TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – TP. HN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2026
V/v Tranh chấp Hôn nhân & gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THÀNH PHỐ HN;

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến H**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Nguyệt** và ông **Lê Huy Trọng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị T**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6, thành phố HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thành phố HN tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thu G,** Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - thành phố HN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 934/2025/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 05 ngày 15/01/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh ngày 09/10/1997. số CCCD: 026197004069
Nơi thường trú: Thôn An Thượng, Thượng Vực, CM, HN. Nay là Thôn An Thượng, xã Hoà Phú, HN. Nơi ở hiện nay: Đội 7, Đồng Bùa, xã Tam Dương Bắc, tỉnh PT. Nghề nghiệp: Lao động tự do

Bị đơn: Anh **Đặng Đình T**, sinh ngày 05/08/1987.Số CCCD: 001087027976. Nơi thường trú: Thôn An Thượng, Thượng Vực, CM, HN. Nay là Thôn An Thượng, xã Hoà Phú, HN.Nghề nghiệp: Công nhân công ty cổ phần BM Windows.

Tại phiên toà các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: chị và anh Đặng Đình T quen biết nhau trên mạng xã hội, sau khoảng 02 tháng thì tổ chức cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn ngày 24/03/2020 tại UBND xã Tam Quan, huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc. Sau khi cưới hai vợ chồng về chung sống trong một nhà tại thôn An Thượng, xã Thượng Vực, huyện CM, HN, thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung về nhiều mặt của đời sống xã hội, từ Tết năm 2023 chị mang con về nhà ngoại sống, kể từ

thời điểm đó vợ chồng sống ly thân. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn.

Về con chung: Chị L khai nhận khai nhận vợ chồng có 01 con chung là Đặng Minh Đ, sinh ngày 03/07/2021. Hiện cháu đang ở với anh T vì từ tháng 10 năm 2025 anh T đến đón cháu về, chị lên thăm thì anh T không cho thăm hỏi con, nay ly hôn chị có quan điểm xin được nuôi dưỡng cháu Đ và yêu cầu anh T đóng góp phí tổn nuôi dưỡng con chung là 3.000.000 đồng/01 tháng, tính từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản: Chị trình bày không có

Vê công nợ chung: Chị trình bày không có khoản nợ nào.

Bị đơn anh Đặng Đình T trình bày:

Thời gian tìm hiểu, việc đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn giữa anh và chị, cũng như việc chung sống của vợ chồng như chị L trình bày là thực, anh không có bổ sung thêm thêm, nay chị L có quan điểm xin ly hôn anh đồng ý ly hôn vì trong thời gian sống ly thân khoảng 01 năm trở lại đây chị L đã quen biết với người mới, vì thế để trả tự do cho chị L nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Minh Đ, sinh ngày 03/07/2021, kể từ khi chị L đón cháu về nhà ngoại năm 2023 thì cháu sống với chị L, đến tháng 10 năm 2025 anh đến đón cháu Đ về và hiện cháu Đ đang do anh chăm sóc, nuôi dưỡng, nay ly hôn anh có quan điểm xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ và yêu cầu chị L đóng góp phí tổn nuôi dưỡng con chung là 3.000.000 đồng/01 tháng, tính từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh trình bày vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa: Về tình cảm vợ chồng, cả anh T và chị L đều có quan điểm đề nghị Toà án ghi nhận cho được ly hôn.

Về con chung: Anh Đặng Đình T và chị Nguyễn Thị L đều có quan điểm nếu được giao chăm sóc cháu Đ thì không yêu cầu bên kia phải trợ cấp phí tổn nuôi dưỡng con chung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết, thời hạn giải quyết đảm bảo đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Đình T; Về con chung: Giao cháu Đặng Minh Đ cho anh Đặng Đình T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, Ghi nhận sự tự ngyện của anh T về việc không yêu cầu chị L đóng góp phí tổn nuôi dưỡng con chung; Về tài sản và công nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đ□ơng sự, Hội đồng xét xử nhận

định:

[1] Về tố tụng:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 6 – HN giải quyết cho được ly hôn anh Đặng Đình T. Do vậy, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, bị đơn Đặng Đình T có nơi cư trú: Thôn An Thượng, xã Thượng Vực, huyện CM(nay là thôn An Thượng, xã Hoà Phú – HN) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - thành phố HN theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về mâu thuẫn HĐXX nhận thấy: Chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Đình T, kết hôn năm 2020, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Quan, huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc theo quy đinh của Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là Hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Về nguyên nhân mâu thuẫn Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa chị L và anh T đã có thời gian dài mâu thuẫn, lý do như các bên thừa nhận do vợ chồng bất đồng quan điểm, do không tìm hiểu kỹ tính nết của nhau, cuộc sống không có hạnh phúc,vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, tại phiên toà cả anh và chị đều không có giải pháp để đoàn tụ, cải thiện tình cảm vợ chồng, xét thấy đời sống vợ chồng giữa anh, chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, tại phiên toà anh T, chị L đều có quan điểm đề nghị Toà án ghi nhận sự thuận tình ly hôn nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo trình bày của chị L và anh T khai nhận có 01 con chung là Đặng Minh Đ, sinh ngày 03/07/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, hoà giải, quan điểm trình bày cả anh và chị đều có mong muốn được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ và tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm và trình bày không yêu cầu trợ cấp việc nuôi con chung nếu được Toà án giao con. Quá trình giải quyết cả anh và chị đều xuất trình nhiều tài liệu thể hiện mình có đủ diều kiện để nuôi con, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy cháu Đặng Minh Đ hiện đang do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T trình bày có đầy đủ về điều kiện vật chất, tinh thần để cháu Đ được phát triển, học tập, căn cứ vào tài liệu thể hiện về mức thu nhập của anh T tại công ty nơi đang làm việc xét về điều kiện nuôi dưỡng của anh T là đảm bảo và có cơ sở, theo xác nhận của trường Mầm non Thượng Vực thì cháu Đ hiện đang được chăm sóc, giáo dục tại cơ sở này nên để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu Đ, tránh sự xáo trộn về tâm sinh lý của trẻ nên giao anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ là phù hợp.

Về trợ cấp nuôi dưỡng con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị L trợ cấp nuôi dưỡng con chung, nên tạm hoãn việc trợ cấp nuôi con cho các bên đương sự khi có yêu cầu

[4] Về tài sản, công nợ chung: Các bên đương sự đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự đều được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH;

[1]. Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 55,56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2014); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Đình T.

Về con chung: Giao anh Đặng Đình T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đặng Minh Đ, sinh ngày 03/07/2021 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi người nuôi con sau ly hôn.

Về trợ cấp: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị L trợ cấp nuôi dưỡng con chung, nên tạm hoãn việc trợ cấp nuôi con cho các bên đương sự khi có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị L có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản và công nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L nộp 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, hoàn trả chị L 150.000đồng án phí còn lại được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 00019036 ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 thành phố HN.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/01/2026.

Nơi nhận:
- TAND TP HN;
- VKSND Khu vực 6;
- Phòng THADS Khu vực 6;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến H